TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2023/DS-ST
Ngày 26/12/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đở

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Long Khánh

Bà Huỳnh Thúy Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 598/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 632/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Á**

Địa chỉ: D N, Phường E, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thuận H (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2023) (có mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Bà **Lê Thị Hồng C**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê Văn Ú**, sinh năm 1957 (xin vắng)

Ông **Lê Văn L1**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/3/2019, ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Hồng C ký hợp đồng tín dụng TDO.CN.437.020319 vay số tiền 700.000.000đồng; Mục đích vay: Sửa chữa nhà, mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn vay: 120 tháng; Lãi suất cho vay: 9.8%/năm; Lãi phạt chậm trả: 10%/năm.

Đến ngày 17/3/2020, ông L và bà C tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số TDO.CN.1704.170320 vay số tiền 800.000.000đồng (Ngân hàng chỉ giải ngân 500.000.000đồng); Mục đích vay: Sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất cho vay: 9.5%/năm; Lãi phạt chậm trả: 10%/năm.

Ngoài ra, ngày 11/3/2019 ông L và bà C ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng vay số tiền 50.000.000đồng, hiệu lực thẻ: 36 tháng, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Để bảo đảm cho các khoản nợ vay, ông L và bà C đã thế chấp các tài sản sau:

- Thửa đất số 525, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH00093 do UBND huyện T cấp ngày 26/4/2010, cập nhật tặng cho ông Nguyễn Văn L ngày 30/5/2016.

- Thửa đất số 756, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Hồng C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H00920 do UBND huyện C (nay là huyện T) cấp ngày 16/10/2008.

- Thửa đất số 534, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Hồng C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H00921 do UBND huyện C (nay là huyện T) cấp ngày 16/10/2008.

Ông Lê Văn Ú và bà Nguyễn Thị N (chết năm 2020) bảo lãnh bằng các tài sản sau:

- Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 000068.QSDĐ do UBND huyện Ô (nay là huyện T) cấp ngày 14/11/1991.

- Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH01038 do UBND huyện T cấp ngày 04/02/2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Hồng C đã không trả nợ đầy đủ, đúng hạn cho A nên thuộc trường hợp A được quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn.

Tính đến ngày 22/11/2023, ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Hồng C còn nợ 1.505.782.122 đồng (trong đó vốn gốc 1.058.856.645 đồng, lãi trong hạn 27.120.151 đồng, lãi quá hạn 408.388.850 đồng, phạt chậm trả lãi 6.420.4762 đồng). Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Hồng C trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

Trường hợp ông L, bà C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho cho Ngân hàng được phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra, ông L và bà C còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/11/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Hồng C trình bày:

Ông L và bà C xác định có vay vốn ở Ngân hàng TMCP Á theo các hợp đồng và giấy đề nghị mở thẻ tín dụng. Tính đến ngày 22/11/2023 thì ông, bà còn nợ 1.505.782.122đồng và ông, bà đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nhưng đề nghị Ngân hàng cho thêm thời gian 06 tháng để tất toán toàn bộ số nợ trên. Trường hợp ông, bà không thanh toán được nợ thì đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ú trình bày:

Vào năm 2019, ông và bà Nguyễn Thị N (chết năm 2020) bảo lãnh cho Nguyễn Văn L và Lê Thị Hồng C vay tiền ở Ngân hàng TMCP Á bằng quyền sử dung đất thuộc thửa 167, thửa 259, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Đến nay Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản của ông để thu hồi nợ thì ông không có ý kiến, khi nào con ông có tiền sẽ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho ông. Về hàng thừa kế thì ông và bà N có 02 người con tên Lê Thị Hồng C và Lê Văn L1 (cùng nơi cư trú với ông).

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà C phải trả số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử là 1.469.407.525đồng (trong đó vốn gốc 1.028.913.739đồng, lãi trong hạn 27.120.151đồng, lãi quá hạn 413.373.635đồng), rút lại yêu cầu trả lãi phạt chậm trả. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu ông L và bà C còn phải trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ và yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp nếu ông L, bà C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả nợ gốc, nợ lãi và chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ú xin xét xử vắng mặt, ông L, bà C và ông L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên toà hôm nay cho thấy: Ngày 05/3/2019, ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Hồng C có ký kết thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, đồng thời ký kết các hợp đồng cấp tín dụng vay tiền của Ngân hàng TMCP Á. Ông L và bà C đã vay tổng số tiền là 1.200.000.000đồng thông qua 03 khế ước nhận nợ và mở thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000đồng. Mục đích vay: Sửa chữa nhà và kinh doanh; Lãi suất cho vay: 9.5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi cho vay; Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà C đã thanh toán được cho Ngân hàng 221.086.264đồng nợ gốc và 23.606.453đồng nợ lãi. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông L và bà C tiếp tục thanh toán các khoản nợ nhưng ông, bà vẫn không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và thu hồi nợ. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án ông L và bà C thừa nhận còn nợ Ngân hàng Á và đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn trả các khoản nợ nêu trên là có cơ sơ chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản nợ vay ông L, bà C đã thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 10.000m^2, thuộc thửa 525, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ; Diện tích đất 1.262m^2, thuộc thửa 756 và diện tích đất 1.634, thuộc thửa 534, cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Ông Lê Văn Ú và bà Nguyễn Thị N đã bảo lãnh toàn bộ khoản nợ vay của ông L, bà C bằng quyền sử dụng đất có diện tích 2.481m^2, thuộc thửa 259 và diện tích 3.858m^2, thuộc thửa 167, cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Đến nay bị đơn chưa thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu được phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn.

[6] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[7] *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 323 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Hồng C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Á số tiền 1.469.407.525đồng (trong đó vốn gốc 1.028.913.739đồng, lãi trong hạn 27.120.151đồng, lãi quá hạn 413.373.635đồng). Kể từ ngày 27/12/2023 ông L và bà C còn phải chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng, K ước nhân nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết.

2. Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Á được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 10.000m^2, thuộc thửa 525, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất có diện tích đất 1.262m^2, thuộc thửa 756, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất có diện tích đất 1.634m^2, thuộc thửa 534, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất có diện tích 2.481m^2, thuộc thửa 259, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ do ông Lê Văn Ú đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất có diện tích 3.858m^2, thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ do ông Lê Văn Ú đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 56.082.000đồng, ông L và bà C phải chịu. Ngân hàng TMCP Á được nhận lại 23.682.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005773 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 5.000.000đồng, ông L và bà C phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm ứng trước 5.000.000đồng nên ông L và bà C phải trả lại cho Ngân hàng 5.000.000đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Giúp Đở